TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5- 2018.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM,
TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tứ Hải**.**

2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Trúc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Lưỡng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về "tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tạ Thị Ngọc Đ – sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H – sinh năm: 1973 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tạ Thị Ngọc Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được sự

đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, chị và anh H sống chung với cha mẹ ruột của chị tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chăm gia đình, thường xuyên bỏ bê vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt. Chị Đ có khuyên nhưng anh H không khắc phục để giải quyết vấn đề mâu thuẫn. Chị và anh H ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Nay chị Tạ Thị Ngọc Đ nhận thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh H có một con chung tên: Nguyễn Cao C – sinh ngày: 26/9/2000. Khi ly hôn, chị Đđồng ý giao cháu Nguyễn Cao C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Đ không yêu cầu toà án giải quyết.

** Tại bản khai ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị Ngọc Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới, anh và chị Đ sống chung với cha mẹ ruột của chị Đ tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Khoảng một năm sau, anh và chị Đ về sống với cha mẹ ruột của anh tại ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Hải làm ăn thất bại nên túng thiếu về kinh tế từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Sau đó, chị Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống còn anh thì đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Anh và chị Đ ly thân từ năm 2009 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm giữa anh và chị Đ đã phai nhạt, không thể hàn gắn sống chung nên anh H đồng ý ly hôn với chị Tạ Thị Ngọc Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị Đ có một con chung tên: Nguyễn Cao C – sinh ngày: 26/9/2000. Khi ly hôn, anh H tùy theo nguyện vọng của cháu C muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh H không yêu cầu toà án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tạ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: anh, chị thống nhất theo nguyện vọng của con chung là cháu Nguyễn Cao C , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Đ và anh H cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Tạ Thị Ngọc Đ phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) về hôn nhân và gia đình.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án bao gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch; Công văn số: 07/UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã H về việc không có tên trong sổ đăng ký kết hơn lưu trữ tại UBND xã H; Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt ngày 11/4/2018, theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xem xét đơn xin vắng mặt của anh H và nhận thấy việc vắng mặt anh H không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữ chị Đvà anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H cùng trình bày có một con chung tên: Nguyễn Cao C – sinh ngày 26 tháng 9 năm 2000. Hiện nay, cháu C đang sống

với anh H cuộc sống của cháu ổn định. Do đó, tiếp tục giao cháu C cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Đ và anh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Chị Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên bố:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Tạ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao C – sinh ngày 26 tháng 9 năm 2000 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tạ Thị Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị Tạ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Tạ Thị Ngọc Đ và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Chị Tạ Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số $N^{\underline{0}}$ 0008746 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Tạ Thị Ngọc Đ đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Văn Bé Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
TÒA
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã Trung Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Văn Bé Tư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *UBND xã Trung Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Văn Bé Tư